

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ

phủ sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, h và i khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung trong việc phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trực thuộc cơ quan Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là cơ quan Kiểm lâm) khi thực hiện các công việc sau đây:

- a) Giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp lần đầu;
- b) Hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng đối với trường hợp đã được giao đất, thuê đất lâm nghiệp có rừng hoặc công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng;
- c) Hoàn thiện hồ sơ địa chính đối với trường hợp đã được giao rừng, thuê rừng nhưng chưa được giao đất, thuê đất lâm nghiệp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận.

2. Trường hợp giao đất, thuê đất chưa có rừng để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp hoặc công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất có rừng tự trồng bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước thì thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; các tổ chức; hộ gia đình, cá nhân trong nước; cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi là cộng đồng dân cư thôn); người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp; quản lý, sở

hữu hoặc sử dụng rừng theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đất quy hoạch cho lâm nghiệp là quỹ đất đã có rừng hoặc chưa có rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cho mục đích phát triển lâm nghiệp, được xác định theo tiểu khu rừng, khoảnh rừng và lô rừng quản lý. Riêng đối với những khu rừng sản xuất, khu rừng phòng hộ phân tán có thể được xác định đến thửa đất lâm nghiệp.

2. Đất lâm nghiệp là đất đang có rừng tự nhiên hoặc đang có rừng trồng đạt tiêu chuẩn rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; đất đang khoanh nuôi để phục hồi rừng; đất mới trồng rừng nhưng chưa thành rừng; đất đang trồng rừng hoặc đã giao, cho thuê để trồng rừng và diện tích đất trồng trong các khu rừng đặc dụng hoặc diện tích đất trồng được bảo vệ trong các khu rừng khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 4. Một số quy định chung

1. Bản đồ sử dụng trong giao rừng, cho thuê rừng và giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp có hệ quy chiếu VN-2000 với tỷ lệ cơ bản là 1/10000 hoặc 1/5000.

Trường hợp địa phương đã có bản đồ địa chính thì phải sử dụng bản đồ này để giao rừng, cho thuê rừng và giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp.

Trường hợp địa phương chưa có bản đồ địa chính thì sử dụng bản đồ địa hình ở tỷ lệ lớn nhất hiện có (kể cả loại bản đồ địa hình ở tỷ lệ lớn hơn 1/5000 hoặc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25000) để giao rừng, cho thuê rừng và giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp. Trường hợp các loại bản đồ hiện có chưa ở hệ quy chiếu VN-2000 thì phải chuyển về hệ quy chiếu VN-2000 trước khi sử dụng.

2. Giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan đến đất lâm nghiệp của cơ quan quản lý đất đai, của người sử dụng đất lâm nghiệp phải ghi nhận các thông tin về rừng quy định tại Điều 10, Chương III của Thông tư này. Thông tin về rừng ghi trên Giấy chứng nhận được tổng hợp từ hồ sơ giao rừng, thuê rừng do cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền cung cấp hoặc thẩm định và xác nhận.

3. Đối với diện tích đất lâm nghiệp đã được giao, cho thuê hoặc được công nhận quyền sử dụng đất và được giao rừng, cho thuê rừng theo các quy định của Nhà nước trước khi Thông tư này có hiệu lực thì hồ sơ giao rừng, thuê rừng và hồ sơ giao đất, thuê đất, hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận vẫn có giá trị pháp lý, không phải lập lại thủ tục

theo quy định tại Thông tư này. Khi người được giao rừng, thuê rừng và được giao đất, thuê đất hoặc được công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có nhu cầu đổi lại Giấy chứng nhận thì sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

GIAO RỪNG, THUÊ RỪNG GẮN LIỀN VỚI GIAO ĐẤT, THUÊ ĐẤT LÂM NGHIỆP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 5. Thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận

1. Trình tự, thủ tục giao rừng, thuê rừng và lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (sau đây gọi là Thông tư số 38/2007/TT-BNN) và quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 11 của Thông tư này.

Trình tự, thủ tục giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận và lập hồ sơ địa chính đối với đất lâm nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định tại Điều 6, Điều 8 của Thông tư này; riêng mẫu văn bản áp dụng trong việc thực hiện thủ tục về giao đất, thuê đất lâm nghiệp được thay bằng mẫu văn bản áp dụng trong việc thực hiện thủ tục về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2. Nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị và thời gian giải quyết thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận đối với đất lâm nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Thời gian luân chuyển hồ sơ giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong quá trình thực hiện thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Điều 6. Sự phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong việc giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất hoặc cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất lâm nghiệp có rừng

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được hồ sơ đề nghị được giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp hoặc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, có trách nhiệm thẩm định hồ sơ về điều kiện giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai; đồng thời sao gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đó cho cơ quan Kiểm lâm cùng cấp để thẩm định về điều kiện giao rừng, thuê rừng.

2. Cơ quan Kiểm lâm sau khi nhận được hồ sơ do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến bằng văn bản về việc giao rừng, cho thuê rừng và gửi cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

3. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường tập hợp hồ sơ giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp hoặc hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính.

4. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận theo đề nghị của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Sự phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong việc hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng đối với trường hợp đã được giao đất, thuê đất lâm nghiệp có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin trong hồ sơ địa chính đối với những diện tích đất lâm nghiệp đã giao, đã cho thuê, đã được công nhận quyền sử dụng đất để cơ quan Kiểm lâm hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng.

2. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức việc rà soát các thông tin về rừng, bao gồm mục đích sử dụng rừng, diện tích rừng, nguồn gốc, vị trí, ranh giới trên hồ sơ địa chính và thực địa.

Trường hợp các thông tin về rừng trên thực địa phù hợp với hồ sơ địa chính thì cơ quan Kiểm lâm lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng theo quy định tại khoản 2, Điều 11, Chương III của Thông tư này và gửi cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để bổ sung thông tin vào Giấy chứng nhận và hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính.

Trường hợp các thông tin về rừng trên thực địa không phù hợp với hồ sơ địa chính, thì tùy theo mức độ sai lệch, cơ quan Kiểm lâm thông báo cho cơ quan Tài

nguyên và Môi trường làm các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính, chỉnh lý hoặc thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận; Đồng thời, cơ quan Kiểm lâm tiến hành lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của Thông tư này và gửi lại hồ sơ này cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Sự phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong việc hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp đã được giao rừng, thuê rừng nhưng chưa được giao đất, thuê đất hoặc chưa được công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp

1. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm cung cấp thông tin trong hồ sơ giao rừng, thuê rừng cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp để hoàn thiện hồ sơ giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận.

2. Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng:

a) Căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ và quy hoạch sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm thẩm tra hồ sơ đề nghị giao đất lâm nghiệp, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất lâm nghiệp và cấp Giấy chứng nhận.

Trong quá trình thẩm tra, làm thủ tục giao đất lâm nghiệp phải xem xét, bổ sung những biến động và tình hình sử dụng đất thực tế tại thời điểm thẩm tra để trình cấp có thẩm quyền quyết định cụ thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng.

3. Đối với tổ chức trong nước, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất lâm nghiệp: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận về hiện trạng đang quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp của tổ chức (theo báo cáo rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức); đối chiếu với hồ sơ giao rừng, thuê rừng, hồ sơ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt theo quy định của pháp luật đất đai; chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyên thông tin, số liệu địa chính cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật; lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất hoặc cho thuê đất lâm nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đối với

diện tích đất đang sử dụng phù hợp với hồ sơ giao rừng, thuê rừng và quy hoạch sử dụng đất chi tiết đã được duyệt.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất lâm nghiệp: Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận về hiện trạng sử dụng đất và đối chiếu với hồ sơ giao rừng, thuê rừng; lập thủ tục để trình Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất đang sử dụng.

5. Trường hợp các thông tin về đất lâm nghiệp trên thực địa không phù hợp với hồ sơ giao rừng, thuê rừng, thì tùy theo mức độ sai lệch, cơ quan Tài nguyên và Môi trường thông báo cho cơ quan Kiểm lâm biết để làm thủ tục chỉnh lý hồ sơ giao rừng, thuê rừng hoặc lập thủ tục giao lại rừng, thuê lại rừng theo quy định hiện hành.

Chương III

GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ HỒ SƠ GIAO RỪNG, THUÊ RỪNG

Điều 9. Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận và nội dung viết trên Giấy chứng nhận thực hiện theo Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT) và quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi một (01) bản sao Giấy chứng nhận cho cơ quan Kiểm lâm cùng cấp.

Điều 10. Thể hiện thông tin trên Giấy chứng nhận

Thông tin về rừng sản xuất là rừng trồng được ghi theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT; ngoài ra một số thông tin về thửa đất tại điểm “**1. Thửa đất:**” và thông tin về rừng không thuộc loại rừng sản xuất là rừng trồng ghi tại điểm “**6. Ghi chú:**” Mục II của Giấy chứng nhận theo quy định như sau:

1. Tại điểm “**1. Thửa đất:**” ghi địa chỉ và diện tích thửa đất như sau:

a) Địa chỉ: Ghi số hiệu lô, khoảnh, tiểu khu trước khi ghi tên đơn vị hành chính nơi có thửa đất;

b) Diện tích: được ghi bằng đơn vị mét vuông (m^2) đối với các chủ rừng có quy mô diện tích dưới 10 ha, ghi bằng đơn vị hecta (ha) và được làm tròn số đến

hai chữ số thập phân đối với các chủ rừng có quy mô diện tích từ 10 ha trở lên. Ví dụ: 10,34 ha.

Riêng trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính vẫn thể hiện diện tích đất lâm nghiệp thống nhất theo đơn vị m².

2. Tại điểm “6. **Ghi chú:** “:

a) Đối với tổ chức trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài quản lý, sử dụng rừng không thuộc loại rừng sản xuất là rừng trồng thì ghi: “Không chứng nhận quyền sở hữu rừng. Chi tiết thông tin về rừng theo hồ sơ giao rừng, thuê rừng số... được lưu tại cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh.”

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý, sử dụng rừng không thuộc loại rừng sản xuất là rừng trồng thì ghi: “Không chứng nhận quyền sở hữu rừng. Chi tiết thông tin về rừng theo hồ sơ giao rừng, thuê rừng số... được lưu tại cơ quan Kiểm lâm cấp huyện.”

Điều 11. Hồ sơ giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp

1. Trường hợp giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, hồ sơ được lập theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này gồm:

a) Đơn đề nghị được giao đất, giao rừng hoặc thuê đất, thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (theo Mẫu số 01/GĐGR); hoặc Đơn đề nghị được giao đất, giao rừng hoặc thuê đất, thuê rừng đối với tổ chức trong nước (theo Mẫu số 02/GĐGR); hoặc Đơn đề nghị được thuê đất, thuê rừng đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (theo Mẫu số 03/GĐGR);

b) Quyết định về việc giao đất, giao rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (theo Mẫu số 04/GĐGR) hoặc Quyết định về việc thuê đất, thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân (theo Mẫu số 05/GĐGR); hoặc Quyết định về việc giao đất, giao rừng đối với tổ chức trong nước (theo Mẫu số 06/GĐGR); hoặc Quyết định về việc thuê đất, thuê rừng đối với tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (theo Mẫu số 07/GĐGR);

c) Hợp đồng thuê đất, thuê rừng đối với trường hợp thuê đất, thuê rừng (theo Mẫu số 08/GĐGR);

d) Bảng kê thông tin về rừng gắn với thửa đất lâm nghiệp được giao, được thuê (theo Mẫu số 9/GĐGR);

đ) Bảng theo dõi biến động đất và rừng sau khi giao (theo Mẫu số 10/GĐGR);

e) Biên bản bàn giao đất, bàn giao rừng ở thực địa.

2. Trường hợp hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng sau khi đã được giao đất, cho thuê đất hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng, hồ sơ được lập theo mẫu quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 38/2007/TT-BNN.

3. Hồ sơ giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (là bộ tài liệu kèm theo hồ sơ địa chính) và cơ quan Kiểm lâm thuộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao rừng, cho thuê rừng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn địa phương thực hiện việc giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn và tổng hợp thống kê, kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng rừng trên phạm vi toàn quốc bảo đảm sự thống nhất với thống kê diện tích đất lâm nghiệp do ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện;

c) Cung cấp thông tin về rừng và tình hình giao rừng, cho thuê rừng trong toàn quốc cho Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

đ) Tổ chức chỉ đạo xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và lưu trữ cơ sở dữ liệu về giao rừng, thuê rừng; hồ sơ giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp; cung cấp các thông tin trong cơ sở dữ liệu cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn địa phương trong công tác giao đất, thuê đất lâm nghiệp gắn liền với giao rừng, thuê rừng theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn và tổng hợp việc thống kê, kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trên phạm vi toàn quốc bảo đảm sự thống nhất với thống kê diện tích rừng do ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện;

c) Cung cấp thông tin về đất lâm nghiệp và tình hình giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Tổ chức chỉ đạo xây dựng, cập nhật và lưu trữ hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính, Giấy chứng nhận thống nhất với hồ sơ giao rừng, thuê rừng; cung cấp các thông tin trong cơ sở dữ liệu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án giao rừng, cho thuê rừng tổng thể gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc thu hồi rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

b) Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) phối hợp thực hiện đồng thời việc giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư này;

c) Chỉ đạo cơ quan chức năng các cấp phối hợp kiểm tra, xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp;

d) Quyết định việc giao rừng, thuê rừng thống nhất, gắn liền với việc giao đất, thuê đất lâm nghiệp và cấp Giấy chứng nhận theo thẩm quyền;

đ) Chỉ đạo các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc giao rừng, cho thuê rừng đối với thửa đất đã giao, đã cho thuê, đã được công nhận quyền sử dụng đất; quyết định việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất đã giao rừng, cho thuê rừng;

e) Chỉ đạo các cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin trong hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính và tài liệu có liên quan đến đất lâm nghiệp cho cơ quan Kiểm lâm tại địa phương để phục vụ cho công tác giao rừng, thuê rừng.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo việc lập phương án giao rừng, cho thuê rừng tổng thể trên địa bàn huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; phê duyệt các phương án giao rừng tổng thể của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Chỉ đạo thực hiện việc giao rừng, thuê rừng, thu hồi rừng thống nhất với việc giao đất, thuê đất và thu hồi đất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

c) Quyết định việc giao, cho thuê rừng thống nhất, gắn liền với việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp và cấp Giấy chứng nhận theo thẩm quyền;

d) Chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc giao rừng, cho thuê rừng đối với thửa đất đã giao, đã cho thuê, đã được công nhận quyền sử dụng đất; quyết định việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất đã giao rừng, cho thuê rừng.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thông báo công khai và cung cấp đầy đủ các thông tin về công tác giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và chủ rừng trên địa bàn;

b) Rà soát, nắm bắt tình hình quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn xã; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc rà soát, nắm bắt tình hình quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp của tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn xã;

c) Tổ chức việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ giao rừng theo quy định; tổ chức việc bàn giao rừng hoặc nhận lại rừng ngoài thực địa;

d) Thực hiện cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn xã.

6. Cơ quan Kiểm lâm các cấp

a) Tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện công tác giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

b) Thực hiện công tác giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp; quản lý hồ sơ giao rừng, thuê rừng ở địa phương;

c) Tổ chức triển khai công tác thông tin tuyên truyền về giao rừng, thuê rừng gắn với giao, thuê đất lâm nghiệp;

d) Phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp để cung cấp, trao đổi thông tin cần thiết phục vụ cho công tác giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp; đảm bảo thông tin về rừng trong hồ sơ giao rừng, thuê rừng phù hợp với hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận;

đ) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng của các chủ rừng sau khi đã được giao, cho thuê rừng và cấp Giấy chứng nhận;

e) Tổ chức xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và lưu trữ cơ sở dữ liệu về giao rừng, thuê rừng; tổng hợp báo cáo theo quy định hiện hành;

g) Phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra, thanh tra xử lý các vi phạm và tranh chấp trong việc sử dụng đất lâm nghiệp của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường các cấp

a) Tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện công tác giao đất, thuê đất lâm nghiệp gắn liền với giao rừng, thuê rừng;

b) Thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp gắn liền với giao rừng, cho thuê rừng; quản lý hồ sơ địa chính ở địa phương;

c) Tổ chức triển khai công tác thông tin tuyên truyền về giao rừng, thuê rừng gắn với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

d) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, bảo vệ và sử dụng đất lâm nghiệp của người sử dụng đất lâm nghiệp sau khi đã được giao, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận;

đ) Tổ chức xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và lưu trữ cơ sở dữ liệu về giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận; tổng hợp báo cáo theo quy định hiện hành;

e) Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm cùng cấp để cung cấp, trao đổi thông tin về giao đất, thuê đất lâm nghiệp gắn liền với giao rừng, thuê rừng; đảm bảo thông tin về rừng trong hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận thống nhất với hồ sơ giao rừng, thuê rừng;

g) Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra, thanh tra xử lý các vi phạm và tranh chấp trong việc quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng của các chủ rừng theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2011.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo, phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường để cùng xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Hiền

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
THỨ TRƯỞNG**

Hứa Đức Nhị

Mẫu số: 01/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC
GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG HOẶC THUÊ ĐẤT, THUÊ RỪNG
(dùng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Tên người đề nghị (cá nhân/hai vợ chồng/hộ gia đình/tên cộng đồng (*chữ in hoa*):.....

(Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ” trước họ tên, năm sinh, số giấy CMND của người đại diện và họ tên vợ hoặc chồng của người đại diện đó; Cộng đồng dân cư thôn thì ghi chữ “Cộng đồng” và tên thôn, bản nơi sinh sống của cộng đồng đó)

2. Địa chỉ thường trú.....

3. Thông tin về đất và rừng

a) Đề nghị được (*giao đất, giao rừng hay thuê đất, thuê rừng*):.....

b) Về đất:

Địa chỉ khu đất.....

Diện tích (gồm cả diện tích đất có rừng và không có rừng nếu có).....

Thời hạn (năm).....

Mục đích sử dụng đất.....

c) Về rừng

Vị trí khu rừng (tiểu khu, khoảnh, lô):.....

Diện tích (ha):.....

Nguồn gốc rừng:.....

Thời hạn (năm).....

Mục đích sử dụng rừng:.....

4. Cam kết sử dụng đất và quản lý bảo vệ rừng, sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai và bảo vệ và phát triển rừng. Trả tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, tiền sử dụng rừng hoặc tiền thuê rừng (nếu có) đầy đủ, đúng quy định./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị/người đại diện

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Xác nhận của UBND xã

1. Về hộ gia đình, cá nhân/tính hợp pháp của cộng đồng dân cư thôn.....
2. Về nhu cầu và khả năng sử dụng đất và quản lý bảo vệ rừng, sử dụng rừng của người đề nghị/cộng đồng dân cư.....
3. Về sự phù hợp với quy hoạch

..... ngày..... tháng..... năm.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số: 02/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC
GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG HOẶC THUÊ ĐẤT, THUÊ RỪNG
(dùng cho tổ chức trong nước)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Tên tổ chức (chữ in hoa)(1).....

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính.....

3. Địa chỉ liên hệ.....

..... Điện thoại.....

4. Các thông tin về đất và rừng

a) Đề nghị được (*giao đất, giao rừng hay thuê đất, thuê rừng*):.....

b) Về đất:

Địa điểm khu đất (2).....

Diện tích (gồm cả diện tích đất có rừng và không có rừng nếu có).....

Thời hạn (năm).....

Mục đích sử dụng đất.....

c) Về rừng

Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô).....

Diện tích rừng (ha):.....

Nguồn gốc rừng:.....

Mục đích sử dụng rừng (3).....

Thời hạn (năm).....

5. Phương thức nộp tiền sử dụng đất, sử dụng rừng (nếu có).....

6. Cam kết sử dụng đất, quản lý bảo vệ và sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, tiền sử dụng rừng hoặc tiền thuê rừng (nếu có) đầy đủ, đúng quy địnhvà các cam kết khác (nếu có).....

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Đại diện tổ chức ký, ghi rõ họ, tên chức danh và đóng dấu)

(1). Phải ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2). Địa điểm khu đất cần được ghi rõ tên xã, phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(3). Mục đích theo 03 loại rừng và chi tiết phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học.

Mẫu số: 03/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC THUÊ ĐẤT, THUÊ RỪNG
(dùng cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài,
cá nhân nước ngoài)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).....

1. Tên tổ chức hoặc người đề nghị (chữ in hoa)(1).....

2. Địa chỉ trụ sở chính (hoặc địa chỉ thường trú)

Địa chỉ liên hệ.....

Điện thoại.....

3. Các thông tin về đất và rừng

a) Về đất:

Địa điểm khu đất (2).....

Diện tích (gồm cả diện tích đất có rừng và không có rừng nếu có).....

Thời hạn (năm).....

Mục đích sử dụng đất.....

b) Về rừng

Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô).....

Diện tích rừng (ha):.....

Nguồn gốc rừng:.....

Mục đích sử dụng rừng (3).....

Thời hạn (năm).....

4. Phương thức trả tiền thuê đất, thuê rừng.....
5. Cam kết sử dụng đất, quản lý bảo vệ và sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nộp tiền thuê đất, thuê rừng đầy đủ, đúng hạn.
6. Các cam kết khác (nếu có)
-

....., ngày.... tháng..... năm.....

(Đại diện tổ chức ký, ghi rõ họ, tên chức danh và đóng dấu)

- (1). Phải ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy phép đầu tư. Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì ghi rõ họ tên, quốc tịch, số và ngày, nơi cấp hộ chiếu.
- (2). Địa điểm khu đất cần được ghi rõ tên xã, phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3). Mục đích theo 03 loại rừng và chi tiết phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học.

Mẫu số: 04/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND tỉnh (TP.).....
 UBND huyện (quận, TX, TP.)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UB

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất, giao rừng

(dùng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, TX., TP.).....

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số...../2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày... tháng... năm 2011 của liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và Hạt trưởng Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho (*)..... ha đất, trong đó, diện tích có rừng là..... ha; tại thửa....., thuộc (lô, khoảnh,

tiểu khu).....; thuộc (xã, huyện, tỉnh).....;
 để sử dụng vào mục đích.....

(Trường hợp giao nhiều thửa thì ghi tổng diện tích và liệt kê chi tiết từng thửa kèm theo)

Thời hạn sử dụng đất là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số....., tỷ lệ..... do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày tháng năm

Thời hạn sử dụng rừng là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Đặc điểm khu rừng ghi trong Hồ sơ giao rừng, thuê rừng số..... kèm theo quyết định này.

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất, sử dụng rừng (nếu có).....

Người được giao rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được giao đúng mục đích theo các quy định của pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2: Căn cứ vào Điều 1 của quyết định này, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được giao đất, giao rừng thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai và rừng, nộp tiền phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Trao quyết định giao đất, giao rừng cho người được giao đất, giao rừng sau khi người được giao đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) bàn giao đất, rừng trên thực địa cho người được giao đất, giao rừng.

4. Thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính và cập nhật hồ sơ giao rừng theo thẩm quyền.

5. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, giao rừng.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Trưởng phòng..... và người được giao đất, giao rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

*Ghi tên và địa chỉ của người được giao đất, giao rừng

Mẫu số: 05/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND tỉnh (TP.)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 UBND huyện (quận, TX, TP.)... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /QĐ-UB , ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thuê đất, thuê rừng
 (dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, TX., TP.).....

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số...../2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày.... tháng.... năm 2011 của liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và Hạt trưởng Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho (*)..... thuê..... ha đất, trong đó, diện tích có rừng là..... ha; tại thửa....., thuộc (lô, khoảnh, tiểu

khu).....; thuộc (xã, huyện, tỉnh); để sử dụng vào mục đích.....

(Trường hợp thuê nhiều thửa thì ghi tổng diện tích và liệt kê chi tiết từng thửa kèm theo)

Thời hạn thuê sử dụng đất là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số....., tỷ lệ..... do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày tháng..... năm.....

Thời hạn thuê sử dụng rừng là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Đặc điểm khu rừng ghi trong Hồ sơ giao rừng, thuê rừng kèm theo Quyết định này.

Những hạn chế về quyền của người thuê sử dụng đất, sử dụng rừng (nếu có)

Người được thuê đất, thuê rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích đất và diện tích rừng được giao đúng mục đích theo các quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2: Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được thuê đất, thuê rừng thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai và rừng, nộp phí, lệ phí theo quy định và tiền thuê đất, thuê rừng theo đúng hợp đồng.

2. Trao quyết định cho thuê đất, thuê rừng cho người được thuê đất, thuê rừng sau khi người được thuê đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)..... bàn giao đất, rừng trên thực địa cho người được thuê đất, thuê rừng.

4. Thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính và cập nhật hồ sơ thuê rừng theo thẩm quyền.

5. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Trưởng phòng..... và người được thuê đất, thuê rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

*Ghi tên và địa chỉ của người được thuê đất, thuê rừng

Mẫu số: 06/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND tỉnh (TP.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UB

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất, giao rừng
(dùng cho tổ chức trong nước)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số...../2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày.... tháng năm 2011 của liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho (*)..... ha đất, trong đó, diện tích có rừng là..... ha; tại thửa....., thuộc (lô, khoảnh,

tiểu khu).....; thuộc (xã, huyện, tỉnh).....;
 để sử dụng vào mục đích.....

(Trường hợp giao nhiều thửa thì ghi tổng diện tích và liệt kê chi tiết từng thửa kèm theo)

Thời hạn sử dụng đất là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số....., tỷ lệ..... do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày..... tháng năm

Thời hạn sử dụng rừng là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng năm.....

Đặc điểm khu rừng ghi trong Hồ sơ giao rừng, thuê rừng số..... kèm theo Quyết định này.

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất, sử dụng rừng (nếu có).....

Người được giao đất, giao rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích đất, diện tích rừng được giao đúng mục đích theo các quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2: Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi cục Kiểm lâm chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được giao đất, giao rừng thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai và rừng, nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Trao quyết định giao đất, giao rừng cho người được giao đất, giao rừng sau khi người được giao đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) bàn giao đất, rừng trên thực địa cho người được giao đất, giao rừng.

4. Thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính và cập nhật hồ sơ giao rừng theo thẩm quyền.

5. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), Giám đốc..... và người được giao đất, giao rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)

*Ghi tên và địa chỉ người được giao đất, giao rừng

Mẫu số: 07/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND tỉnh (TP.).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UB

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thuê đất, thuê rừng

(dùng cho tổ chức trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số...../2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày..... tháng.... năm 2011 của liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho (*)..... thuê..... ha đất, trong đó, diện tích có rừng là..... ha; tại thửa....., thuộc (lô, khoảnh,

tiểu khu).....; thuộc (xã, huyện, tỉnh);
 để sử dụng vào mục đích.....

(Trường hợp thuê nhiều thửa thì ghi tổng diện tích và liệt kê chi tiết từng thửa kèm theo)

Thời hạn thuê sử dụng đất là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số....., tỷ lệ..... do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày..... tháng..... năm.....

Thời hạn thuê sử dụng rừng là..... năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Đặc điểm khu rừng ghi trong Hồ sơ giao rừng, thuê rừng kèm theo Quyết định này.

Những hạn chế về quyền của người thuê sử dụng đất, sử dụng rừng (nếu có)

.....

Người được thuê sử dụng đất, thuê sử dụng rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích đất, diện tích rừng được thuê đúng mục đích theo các quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2: Căn cứ vào Điều 1 của quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi cục Kiểm lâm chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được thuê đất, thuê rừng thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai và rừng, nộp phí, lệ phí theo quy định và tiền thuê đất, thuê rừng theo hợp đồng.

2. Trao quyết định cho thuê đất, thuê rừng cho người được thuê đất, thuê rừng sau khi người được thuê đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)..... bàn giao đất, rừng trên thực địa cho người được thuê đất, thuê rừng.

4. Thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính và cập nhật hồ sơ thuê rừng theo thẩm quyền.

5. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc.....
..... và người được thuê đất, thuê rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

*Ghi tên và địa chỉ của người được thuê đất, thuê rừng

Mẫu số: 08/GĐGR (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số:...../HD-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT, THUÊ RỪNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định về việc thuê đất, thuê rừng số (1).....

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... tại (ghi địa điểm nơi ký hợp đồng)....., chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất, thuê rừng là Ủy ban nhân dân (2).....

Do ông (bà):..... (Ghi họ tên, chức vụ, cơ quan) làm đại diện (3).

II. Bên thuê đất, thuê rừng là (4):

III. Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê đất, thuê rừng với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất, thuê rừng cho Bên thuê đất, thuê rừng thuê khu đất, rừng như sau:

1. Diện tích thuê..... m² (hoặc ha) đất và rừng (ghi rõ bằng số và bằng chữ)

Tại (5) (xã, huyện, tỉnh)..... để sử dụng vào mục đích..... Trong đó, diện tích đất là..... ha và diện tích rừng là..... ha, mục đích sử dụng rừng..... (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất).

2. Thời hạn thuê đất là..... năm (ghi rõ số năm thuê đất bằng số và bằng chữ phù hợp với thời hạn thuê đất đã ghi trong Quyết định về việc thuê đất), kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số....., tỷ lệ..... do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày..... tháng..... năm.....

Thời hạn thuê rừng là..... năm (ghi rõ số năm bằng số, bằng chữ phù hợp với Quyết định về việc thuê đất, thuê rừng), kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

4. Việc cho thuê đất, thuê rừng không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất, khu rừng và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất. Đồng thời, bên thuê đất, thuê rừng phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo các quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2. Bên thuê đất, thuê rừng có trách nhiệm trả tiền thuê đất, thuê rừng theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất, thuê rừng là..... đồng/m²/năm, (ghi bằng số và bằng chữ); trong đó giá tiền thuê đất là đồng/m²/năm, giá tiền thuê rừng là..... đồng/m²/năm.

Giá thuê đất được tính ổn định trong năm (05) năm, kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm... . Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất.

2. Phương thức và thời hạn nộp tiền thuê đất, thuê rừng:.....

3. Nơi nộp tiền thuê đất, thuê rừng:.....

Điều 3. Việc sử dụng đất, rừng trên khu đất, rừng thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất, thuê rừng bảo đảm việc sử dụng đất, sử dụng rừng của Bên thuê đất, thuê rừng trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất, thu hồi rừng theo quy định tại Luật Đất đai và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng);

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất, thuê rừng có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Đất đai và của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất, thuê rừng trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất, khu rừng thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất, thu hồi rừng theo quy định của Luật Đất đai và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên (nếu có).

.....

Điều 5. Hợp đồng thuê đất, thuê rừng chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất, thuê rừng mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất, thuê rừng đó chấp thuận;
3. Bên thuê đất, thuê rừng bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất, thuê rừng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, thu hồi rừng theo quy định của Luật Đất đai và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có):.....

.....

.....

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế nơi xác định mức thu tiền thuê đất, thuê rừng, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất, thuê rừng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT, THUÊ RỪNG **BÊN CHO THUÊ ĐẤT, THUÊ RỪNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có) *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

(1). Quyết định cho thuê đất ghi rõ số, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung của quyết định.

(2). Đối với cá nhân, hộ gia đình là Ủy ban nhân dân cấp Huyện; Đối với tổ chức là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(3). Bên cho thuê rừng ghi rõ họ, tên, chức vụ của người làm đại diện.

(4). Đối với cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ” trước họ tên, năm sinh, số giấy CMND của người đại diện và họ tên vợ hoặc chồng của người đại diện đó, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Cộng đồng dân cư thôn thì ghi chữ “Cộng đồng” và tên thôn, bản nơi sinh sống của cộng đồng đó; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ tên và chức vụ người đại diện, số tài khoản.

(5). Ghi tên xã, phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh; thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất, rừng cho thuê) để sử dụng vào mục đích ... (ghi theo Quyết định về việc thuê đất, thuê rừng).

